

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Sư phạm Tiếng Pháp

Mã số: 52140233

*(Ban hành theo Quyết định số 3605/QĐ-ĐHQGHN, ngày 30 tháng 9 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Sư phạm Tiếng Pháp
 - + Tiếng Anh: French Language Teacher Education
- **Mã số ngành đào tạo:** 52140233
- **Danh hiệu tốt nghiệp:** Cử nhân
- **Thời gian đào tạo:** 4 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp
 - + Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in French Language Teacher Education
- **Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:** Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo

Chương trình cử nhân Sư phạm Tiếng Pháp đào tạo ra những cử nhân là giáo viên ở bậc THPT, đại học cao đẳng có khả năng thích ứng cao, có kiến thức tốt về tiếng Pháp và sử dụng thành thạo tiếng Pháp tối thiểu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; được trang bị tri thức về hoạt động dạy, sự hiểu biết về người học trong những hoàn cảnh cụ thể; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, xác định và giải quyết vấn đề, năng lực giải quyết vấn đề); có những kỹ năng bổ trợ như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc nhóm; hiểu biết về môi trường địa phương, trong nước hay quốc tế, mà ở đó tiếng Pháp được giảng dạy; có kiến thức về xã hội

văn hóa rộng lớn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy những phẩm chất và kỹ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp quan trọng để trở thành cán bộ giảng dạy giỏi ở các bậc học, cán bộ quản lý chuyên môn trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu tiếng Pháp nói riêng và ngành sư phạm nói chung.

3. Thông tin tuyển sinh

- **Hình thức tuyển sinh:** Theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm sau:

1.1.1. Kiến thức chung

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác Lênin - học thuyết khoa học và chân chính nhất được cấu thành từ ba bộ phận lý luận có mối quan hệ thống nhất biện chứng với nhau: Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học. Hiểu được những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ yếu là đường lối trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội;

- Nhớ và giải thích được các kiến thức cơ bản về thông tin, nguyên lý Von Neumann, mạng truyền thông. Sử dụng được các công cụ xử lý thông tin thông dụng (hệ điều hành, các phần mềm hỗ trợ công tác văn phòng và khai thác Internet ...). Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu quan hệ, hệ quản

trị cơ sở dữ liệu quan hệ. Hiểu và áp dụng thành thạo các kiến thức cơ bản về lập trình quản lý với Visual Basic và cơ sở dữ liệu quan hệ trong các trường hợp cụ thể;

- Có trình độ ngoại ngữ 2 tối thiểu đạt bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản trong lĩnh vực thể dục thể thao vào quá trình tập luyện và tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe, đề phòng chấn thương. Vận dụng được những kỹ, chiến thuật cơ bản, luật thi đấu vào các hoạt động thể thao cộng đồng;

- Hiểu rõ nội dung cơ bản về đường lối quân sự và nhiệm vụ công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới. Vận dụng kiến thức đã học vào chiến đấu trong điều kiện tác chiến thông thường.

1.1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Nắm được các kiến thức cơ bản về địa lý thế giới có vốn hiểu biết tốt về địa lý nước Pháp và thể hiện được các kiến thức đó bằng Tiếng Pháp;

- Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học thống kê trong học tập và nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đào tạo;

- Hiểu rõ mối quan hệ giữa bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở tầm quốc gia hay quốc tế và đóng góp vào việc bảo vệ môi trường tại địa phương.

1.1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống của người Việt, qua đó có lòng nhân ái, ý thức và trách nhiệm đối với di sản văn hóa dân tộc và tương lai của văn hóa Việt Nam;

- Nắm được bản chất và chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, các khái niệm cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và chữ viết để phục vụ việc học ngoại ngữ và các công việc chuyên môn, nghề nghiệp;

- Nắm vững và vận dụng được kỹ năng sử dụng tiếng Việt như tiếp nhận văn bản, tạo lập văn bản, xác định lỗi và chữa lỗi trong văn bản nhằm tăng cường khả năng giao tiếp bằng tiếng Việt; nắm được các vấn đề về lý thuyết tiếng Việt như ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và dụng học tiếng Việt;

- Nắm vững và hiểu biết tri thức văn hoá – xã hội, nghệ thuật, phát triển năng lực tư duy phê phán, hình thành phương pháp học tập ngoại ngữ có hiệu quả.

1.1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

- Hiểu rõ những khái niệm cơ bản trong ngữ âm học tiếng Pháp, các quy luật ngữ âm, trọng âm, ngữ điệu nhờ đó biết cách tự hoàn thiện mức độ chuẩn xác về phát âm của bản thân;

Nắm vững và vận dụng được những kiến thức cơ bản của ngữ pháp tiếng Pháp (hình thái học, cú pháp học) trong công việc chuyên môn như giảng dạy, hoặc nghiên cứu;

- Nắm vững được một loạt các vấn đề cơ bản của từ vựng học tiếng Pháp và nhờ đó sử dụng từ chính xác hơn trong thực hành giao tiếp;

- Người học sẽ phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, và kỹ năng tranh luận, có cơ hội nâng cao vốn từ vựng, phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Pháp;

- Nắm vững những kiến thức khái quát về đất nước học Pháp bao gồm các đặc điểm về lịch sử, con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và giáo dục Pháp, cũng như văn học Pháp ở các giai đoạn khác nhau;

- Người học sẽ phát triển các kỹ năng thuyết trình, phân tích phê phán, làm việc nhóm, và kỹ năng tranh luận, có cơ hội nâng cao vốn từ vựng, phát triển các kỹ năng thực hành tiếng Pháp;

- Nắm vững và vận dụng tốt các kiến thức thực hành tiếng Pháp ở trình độ tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có thể sử dụng năng lực này trong quá trình dạy học, nghiên cứu và hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học.

1.1.5. Kiến thức ngành

- Nắm và vận dụng các kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, và công nghệ trong giảng dạy vào thực tiễn công tác;

- Có kiến thức nền tảng về phương pháp luận nghiên cứu khoa học, công nghệ thông tin và ứng dụng của công nghệ thông tin trong dạy-học;

- Nắm vững và vận dụng kiến thức về bản chất của quá trình dạy-học ngoại ngữ để phục vụ công tác chuyên môn sau này;

- Hiểu biết về bối cảnh và các vấn đề của việc giảng dạy tiếng Pháp tại Việt Nam, cũng như vai trò của tiếng Pháp như một ngôn ngữ mang tính quốc tế cao;

- Thông qua chương trình thực tập sư phạm cử nhân ngành Tiếng Pháp Sư phạm có kiến thức thực tiễn về hoạt động của trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác, tiếp cận và hoàn thành tốt các kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ sư phạm đã học tại đại học (kiến thức chuyên môn, kỹ năng soạn bài, giảng bài, kỹ năng quản lý lớp học v.v.), đồng thời mở rộng các kỹ năng cần thiết khác của người giáo viên (kỹ năng thâm nhập vào thực tế nhà trường phổ thông, kỹ năng tìm hiểu học sinh, kỹ năng chủ nhiệm lớp v.v.), làm quen với thực tế nhà trường phổ thông và xã hội, trở nên tự tin với nghề nghiệp hơn;

- Sinh viên có quyền lựa chọn làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học môn thay thế. Thông qua việc làm khóa luận tốt nghiệp theo hình thức sinh viên tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành được đào tạo dưới sự hướng dẫn của giáo viên, sinh viên có cơ hội nghiên cứu sâu về một vấn đề chuyên môn, phát triển khả năng phân tích, tư duy phê phán, thuyết trình v.v. Những học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao, giúp sinh viên nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Pháp, hoặc các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành sư phạm;

- Nắm vững và vận dụng được những kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Nga thông qua việc tiến hành một dự án nghiên cứu theo chuyên ngành hoặc học các học phần thay thế tốt nghiệp được thiết kế mang tính tổng hợp cao.

1.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức

tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

2. Về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

2.1.1. Các kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Sư phạm Tiếng Pháp trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Hiểu biết và có khả năng tổ chức quản lý các hoạt động giảng - dạy, theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh, phát triển năng lực tự học, tự tổ chức hoạt động học tập cá nhân và theo nhóm của học sinh;

- Hiểu biết và có khả năng xây dựng, thực hiện bài tập, hoạt động, giáo án, kế hoạch giảng dạy theo hướng tích hợp dạy-học với giáo dục thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy-học phù hợp với đặc thù học phần, đặc điểm học sinh và môi trường giáo dục; phối hợp hoạt động học với hoạt động dạy theo hướng phát huy tính nhận thức tích cực của học sinh;

- Có năng lực thực hiện kế hoạch dạy học tiếng Pháp đảm bảo kiến thức học phần, làm chủ kiến thức học phần, đảm bảo nội dung dạy học chính xác, có hệ thống, vận dụng hợp lý các kiến thức liên môn theo yêu cầu cơ bản, hiện đại, thực tiễn. Thực hiện nội dung dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình học phần;

- Hiểu biết và có năng lực tổ chức việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả việc giảng dạy tiếng Pháp, và kích thích sự đam mê tìm tòi, khám phá và tự học ở người học;

- Có năng lực giao tiếp, đồng cảm với người học, tự học, biết sử dụng công nghệ tiên tiến và phương tiện dạy học đa dạng trong dạy học, chuẩn bị bài và gây hứng thú trong học phần;

- Có năng lực đổi mới, sáng tạo nhằm thực hiện công việc và nhiệm vụ sư phạm được giao, phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân, chất lượng, hiệu quả dạy học tiếng Pháp. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới;

- Có năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục, có phương pháp thu thập và xử lý thông tin thường xuyên về nhu cầu và đặc điểm của học sinh, về điều kiện giáo dục trong nhà trường và tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế, sử dụng các thông tin thu được vào giảng dạy tiếng Pháp;

- Có khả năng vận dụng linh hoạt sáng tạo các phương pháp, hình thức giáo dục tư tưởng, tình cảm, thái độ thông qua việc giảng dạy học phần trong các hoạt động chính khoá và ngoại khoá, công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn, Đội, hay các hoạt động trong cộng đồng như: lao động công ích, hoạt động xã hội theo kế hoạch đã xây dựng, và theo tình huống xã hội cụ thể, phù hợp đối tượng, đáp ứng mục tiêu giáo dục đề ra;

- Có khả năng tìm kiếm cơ hội góp phần phát triển công tác giảng dạy tiếng Pháp ở trường, địa phương, trong nước, trong khu vực, và quốc tế;

- Có khả năng xây dựng môi trường học tập tiếng Pháp tại trường, địa phương, quốc gia hay trong khu vực: Tạo dựng môi trường học tập: dân chủ, thân thiện, hợp tác, cộng tác, thuận lợi, an toàn và lành mạnh.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Vận dụng lý luận của chủ nghĩa Mác Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để xác định phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu cụ thể. Nắm vững quy luật khách quan, xu thế thời đại và thực tiễn đất nước. Nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng để xác định, phân tích và giải quyết các vấn đề cụ thể trong nghiên cứu, học tập và công hiến, đóng góp cho cuộc sống xã hội;

- Có khả năng lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực giảng dạy hay nghiên cứu ở mức độ cải tiến; có khả năng đưa ra giải pháp và đưa/viết đề xuất, kiến nghị.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Có khả năng hình thành các giả thuyết, thu thập, phân tích và xử lý thông tin, tham gia nghiên cứu thực nghiệm, kiểm định giả thuyết và ứng dụng để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực giảng dạy;

- Có khả năng khám phá và nâng cao sự hiểu biết về văn hoá Pháp, và qua đó hiểu biết sâu sắc hơn về văn hoá Việt Nam.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có khả năng phát triển tư duy logic, hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn nói riêng và các vấn đề văn hóa - xã hội nói chung, phát triển kỹ năng tư duy phản biện, thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) phản biện.

2.1.5. Bối cảnh lịch sử xã hội và ngoại cảnh

- Có khả năng tham gia các hoạt động chính trị, xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập;

- Có khả năng phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng để hỗ trợ, giúp đỡ việc học tập tiếng Pháp, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh; huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

- Có khả năng thích nghi với xã hội và môi trường công tác.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Có khả năng tổ chức các hoạt động giáo dục khác (công tác chủ nhiệm lớp, công tác Đoàn TNCS HCM, công tác Đội, các công tác khác khi được phân công) đảm bảo tính khả thi, sát hoàn cảnh và điều kiện, thể hiện khả năng hợp tác, cộng tác.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

Có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn luôn luôn thay đổi. Luôn sáng tạo, chủ động trong xử lý công việc.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng sáng tạo, dẫn dắt và phát triển nghề nghiệp thông qua khả năng tự học, học tập suốt đời, nghiên cứu gắn liền với thực hành giảng dạy, phát

triển các kiến thức và kỹ năng cần thiết và khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của thực tế.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Có thể quản lý tốt thời gian và nguồn lực cá nhân; biết thích ứng với sự phức tạp của thực tế và xử lý tốt khi gặp áp lực trong công việc; biết tự đánh giá kết quả công việc, lập kế hoạch, hoàn thành công việc đúng hạn, đặt mục tiêu, tự phát triển bản thân, tự trau dồi và phát triển nghề nghiệp.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

- Có khả năng hình thành, điều hành và phát triển nhóm một cách hiệu quả; biết lãnh đạo nhóm (quản lý, phân công nhiệm vụ, phối hợp cá nhân trong nhóm, sử dụng các phương pháp động viên, khuyến khích ...), xử lý xung đột trong nhóm; biết làm việc trong các nhóm khác nhau.

2.2.3. Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

- Có khả năng lãnh đạo, quản lý những thay đổi hoặc áp dụng những tiến bộ mới trong các hoạt động nghề nghiệp.

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Có khả năng giao tiếp tốt bằng văn bản và lời nói (trao đổi, thuyết trình), truyền đạt thông tin và chuyển giao kiến thức dưới dạng nói và viết;

- Có khả năng áp dụng những kỹ năng sử dụng ngôn ngữ tinh tế trong các hoàn cảnh cụ thể và đa dạng.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2.6. Kỹ năng công nghệ thông tin

- Có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tin học như các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các phần mềm phục vụ công tác chuyên

môn; thành thạo trong việc tìm kiếm tài liệu trên Internet, biết cách chọn lọc, biên soạn chỉnh lý, sử dụng và đánh giá một cách phản biện những tài liệu này nhằm phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu. Có khả năng tổ chức lưu trữ thông tin trên máy tính và sử dụng máy tính để giải quyết các vấn đề thông dụng. Sử dụng tốt một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể. Có khả năng phân tích, đánh giá và lập trình quản lý thông qua macro và mô đun đơn giản trong Visual Basic;

- Có khả năng sử dụng các các nguồn lực, công nghệ, phương tiện dạy học một cách đa dạng, phản biện và tích cực nhằm làm tăng hiệu quả dạy và học tiếng Pháp.

3. Phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Xác định rõ Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là kim chỉ nam, nền tảng tư tưởng cho mọi hoạt động trong thực tiễn. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu theo mục tiêu lý tưởng của Đảng, bồi dưỡng và nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước. Có phong cách và lối sống lành mạnh, dám hy sinh, phấn đấu cho lý tưởng;

- Có tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, niềm tự hào và sự trân trọng đối với truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc, có ý thức cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc;

- Tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro; tuân thủ các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức; nhiệt tình, say mê sáng tạo; có tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hóa; có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh và điều kiện, môi trường làm việc, can đảm, quyết tâm hành động bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi; luôn có ý thức học hỏi, không ngừng trau dồi năng lực và có khát vọng vượt khó, vươn lên để thành đạt.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Trung thực, có trách nhiệm, năng động, tư duy phê phán, khả năng suy ngẫm;

- Có tính kiên trì, say mê công việc, có tính chuyên nghiệp cao;

- Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và môi trường giáo dục; có tác phong mẫu mực, làm việc khoa học;

- Ứng xử tốt thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp, xây dựng tập thể sư phạm tốt để cùng thực hiện mục tiêu giáo dục và giảng dạy tiếng Pháp;

- Có khả năng phối hợp với gia đình và cộng đồng trong hỗ trợ, giám sát việc học tập tiếng Pháp, rèn luyện, hướng nghiệp của học sinh và góp phần huy động các nguồn lực trong cộng đồng phát triển nhà trường;

- Có thái độ thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với học sinh, giúp học sinh khắc phục khó khăn để học và sử dụng tiếng Pháp có hiệu quả

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân, có tư cách, tác phong đúng đắn của người giáo viên; có chuẩn mực đạo đức trong các quan hệ xã hội, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng và đất nước.

4. Vị trí công tác có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp có thể đảm nhận các vị trí như: giáo viên, cán bộ giảng dạy tại các cơ sở dạy tiếng Pháp ở các cấp học trong hệ thống giáo dục của Việt Nam, đặc biệt tại các trường phổ thông trung học, hay đại học, hoặc có thể phát triển thành những cán bộ nghiên cứu khoa học giáo dục ngoại ngữ, nghiên cứu ngôn ngữ học hay quốc tế học.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến tiếng Pháp;

- Cử nhân ngành Sư phạm Tiếng Pháp có cơ hội học lên bậc cao hơn (thạc sĩ, tiến sĩ) các chuyên ngành đúng, phù hợp hoặc gần theo quy định.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo :	136 tín chỉ
- Khối kiến thức chung :	27 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và kỹ năng bổ trợ)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	6 tín chỉ
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/15 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức theo khối ngành:	8 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>6 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>2/14 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	57 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>51 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>6/24 tín chỉ</i>
- Khối kiến thức ngành :	38 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	<i>17 tín chỉ</i>
+ <i>Tự chọn:</i>	<i>12/24 tín chỉ</i>
+ <i>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:</i>	<i>9 tín chỉ</i>

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Khôi kiến thức chung (không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ)	27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>The Fundamental Principles of Marxism-Leninism 1</i>	2	24	6		
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2 <i>The Fundamental Principles of Marxism-Leninism 2</i>	3	36	9		PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	42	3		POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28		
6		Ngoại ngữ cơ sở 1 <i>Foreign Language 1</i>	4	16	40	4	
	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1 <i>General English 1</i>					
	FLF2201	Tiếng Nga cơ sở 1 <i>General Russian 1</i>					
	FLF2401	Tiếng Trung cơ sở 1 <i>General Chinese 1</i>					
	FLF2501	Tiếng Đức cơ sở 1 <i>General German 1</i>					
	FLF2601	Tiếng Nhật cơ sở 1 <i>General Japanese 1</i>					
	FLF2701	Tiếng Hàn cơ sở 1 <i>General Korean 1</i>					
	FLF2801	Tiếng Thái cơ sở 1 <i>General Thai 1</i>					
7		Ngoại ngữ cơ sở 2 <i>Foreign Language 2</i>	5	20	50	5	
	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2 <i>General English 2</i>					

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
	FLF2202	Tiếng Nga cơ sở 2 <i>General Russian 2</i>					
	FLF2402	Tiếng Trung cơ sở 2 <i>General Chinese 2</i>					
	FLF2502	Tiếng Đức cơ sở 2 <i>General German 2</i>					
	FLF2602	Tiếng Nhật cơ sở 2 <i>General Japanese 2</i>					
	FLF2702	Tiếng Hàn cơ sở 2 <i>General Korean 2</i>					
	FLF2802	Tiếng Thái cơ sở 2 <i>General Thai 2</i>					
8		Ngoại ngữ cơ sở 3 <i>Foreign Language 3</i>	5	20	50	5	
	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3 <i>General English 3</i>					
	FLF2203	Tiếng Nga cơ sở 3 <i>General Russian 3</i>					
	FLF2403	Tiếng Trung cơ sở 3 <i>General Chinese 3</i>					
	FLF2503	Tiếng Đức cơ sở 3 <i>General German 3</i>					
	FLF2603	Tiếng Nhật cơ sở 3 <i>General Japanese 3</i>					
	FLF2703	Tiếng Hàn cơ sở 3 <i>General Korean 3</i>					
	FLF28303	Tiếng Thái cơ sở 3 <i>General Thai 3</i>					
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
11		Kỹ năng bổ trợ <i>Soft skills</i>	3				
II		Khối kiến thức theo lĩnh vực	6/15				
12	FRE1001	Địa lý đại cương <i>Introduction to Geography</i>	3	30	10	5	FRE4026
13	FRE1002	Môi trường và phát triển <i>Environment and Development</i>	3	30	10	5	FRE4026

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội <i>Statistics for Social Sciences</i>	2	15	15		
15	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18		
16	MAT1101	Xác suất thống kê <i>Statistics and Probability</i>	3	27	18		MAT1092
III		Khôi kiến thức theo khối ngành	8				
III.1		Các học phần bắt buộc	6				
17	HIS1052	Cơ sở văn hoá Việt Nam <i>Introduction to Vietnamese Culture</i>	3	30	10	5	
18	VLV1052	Nhập môn Việt ngữ học <i>Introduction to Vietnamese Linguistics</i>	3	30	10	5	
III.2		Các học phần tự chọn	2/14				
19	VLV1053	Tiếng Việt thực hành <i>Practical Vietnamese</i>	2	20	6	4	
20	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>Research Methods</i>	2	15	13	2	
21	PHI1051	Logic học đại cương <i>General Logics</i>	2	20	6	4	
22	FLF1003	Tư duy phê phán <i>Critical Thinking</i>	2	15	13	2	
23	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật <i>Artistry</i>	2	20	10		
24	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới <i>History of World Civilization</i>	2	22	7	1	
25	FLF1004	Văn hóa các nước Asean <i>Introduction to Southeast Asian Cultures</i>	2	20	8	2	
IV		Khôi kiến thức theo nhóm ngành	57				
IV.1		Khôi kiến thức Ngôn ngữ - Văn hóa	18				
IV.1.1		Các học phần bắt buộc	12				
26	FRE2038	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 1 <i>French Linguistics 1</i>	3	30	10	5	FRE4030
27	FRE2039	Ngôn ngữ học tiếng Pháp 2 <i>French Linguistics 2</i>	3	30	10	5	FRE2038
28	FRE2056	Đất nước học Pháp <i>French and Francophone Cultural Studies</i>	3	30	10	5	FRE4030

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
29	FRE2040	Giao tiếp liên văn hóa <i>InterCultural Communication</i>	3	30	10	5	FRE4030
IV.1.2		<i>Các học phần tự chọn</i>	6/24				
30	FRE2043	Ngữ dụng học tiếng Pháp <i>French Pragmatics</i>	3	30	10	5	FRE2039
31	FRE2037	Ngôn ngữ học đối chiếu <i>Contrastive Linguistics</i>	3	30	10	5	FRE2039
32	FRE2045	Phân tích diễn ngôn <i>Discourse Analysis</i>	3	30	10	5	FRE2039
33	FRE2044	Ngữ nghĩa học <i>Semantics</i>	3	30	10	5	FRE2039
34	FRE2042	Ngôn ngữ học xã hội <i>Sociolinguistics</i>	3	30	10	5	FRE2039
35	FRE2041	Lịch sử văn học Pháp <i>History of French Literature</i>	3	30	10	5	FRE4030
36	FRE2047	Pháp ngữ học <i>Francophone Studies</i>	3	30	10	5	FRE4030
37	FRE2046	Phân tích văn bản văn học <i>Analysis of Literary Works</i>	3	30	10	5	FRE4030
IV.2		Khối kiến thức tiếng	39				
38	FRE4021	Tiếng Pháp 1A <i>French 1A</i>	4	16	40	4	
39	FRE4022	Tiếng Pháp 1B <i>French 1B</i>	4	16	40	4	FRE4021
40	FRE4023	Tiếng Pháp 2A <i>French 2A</i>	4	16	40	4	FRE4022
41	FRE4024	Tiếng Pháp 2B <i>French 2B</i>	4	16	40	4	FRE4023
42	FRE4025	Tiếng Pháp 3A <i>French 3A</i>	4	16	40	4	FRE4024
43	FRE4026	Tiếng Pháp 3B <i>French 3B</i>	4	16	40	4	FRE4025
44	FRE4028	Tiếng Pháp 4A <i>French 4A</i>	4	16	40	4	FRE4026
45	FRE4029	Tiếng Pháp 4B <i>French 4B</i>	4	16	40	4	FRE4028
46	FRE4027	Tiếng Pháp 3C <i>French 3C</i>	3	5	20	20	
47	FRE4030	Tiếng Pháp 4C <i>French 4C</i>	4	10	20	30	
V		Khối kiến thức ngành	38				
V.1		Các học phần bắt buộc	17				
48	PSF3007	Tâm lý học <i>Psychology</i>	3	30	10	5	

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
49	PSF3008	Giáo dục học <i>Pedagogy</i>	3	30	10	5	PSF3007
50	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo <i>State Administration & Education Management</i>	2	20	6	4	
51	FRE3031	Lý luận giảng dạy tiếng Pháp <i>An Introduction to French Teaching Methodology</i>	3	30	10	5	FRE4026
52	FRE3037	Phương pháp giảng dạy tiếng Pháp <i>French language teaching techniques and practices</i>	3	30	10	5	FRE3031
53	FRE3026	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ <i>Foreign Language Testing and Assessment</i>	3	30	10	5	FRE4026
V.2		Các học phần tự chọn	12/24				
54	FRE3034	Phiên dịch <i>Interpretation</i>	3	30	10	5	FRE4030
55	FRE3017	Biên dịch <i>Translation</i>	3	30	10	5	FRE4030
56	PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài <i>Psychology in foreign Language Teaching</i>	3	15	25	5	PSF3007
57	FRE3039	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu <i>Lesson Planning and Material Adaptation</i>	3	30	10	5	FRE3037
58	FRE3023	Giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành <i>Teaching of French for Specific Purposes</i>	3	30	10	5	FRE3037
59	FRE3021	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ <i>Technology in Teaching and Learning Foreign Languages</i>	3	30	10	5	FRE3037
60	FRE3024	Giảng dạy tiếng Pháp như một ngoại ngữ 2 <i>Teaching of French as a Foreign Language</i>	3	30	10	5	FRE3037

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
61	FRE3050	Xây dựng chương trình giảng dạy <i>Curriculum and Syllabus Design</i>	3	30	10	5	FRE3037
V.3		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation paper and Practicum</i>	9				
62	FRE4013	Thực tập <i>Practicum</i>	3				
63	FRE4052	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp (chọn 2 trong số các học phần tự chọn khối IV hoặc V) <i>Graduation paper or alternative subject(s)</i>	6				FRE1002
		Tổng cộng	136				

Ghi chú: Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.